

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 17/1998/NĐ-CP ngày 21-3-1998 về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 87-CP ngày 17-8-1994 của Chính phủ quy định khung giá các loại đất.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4 của Nghị định số 87-CP ngày 17-8-1994 của Chính phủ quy định khung giá các loại đất như sau:

Giá các loại đất do địa phương quy định có thể thấp hơn giá tối thiểu hoặc cao hơn giá tối đa của khung giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị định số 87-CP ngày 17-8-1994 của Chính phủ và hệ số (k) đã được điều chỉnh tại Quyết định số 302-TTg ngày 13-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ, nhưng mức giảm hoặc tăng giá không vượt quá 50%.

Điều 2.- Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 63/1998/QĐ-TTg ngày 18-3-1998 về việc phê duyệt Định hướng phát triển cấp nước đô thị Quốc gia đến năm 2020.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 2/BXD-KTQH ngày 7-2-1998,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt Định hướng phát triển cấp nước đô thị Quốc gia đến năm 2020 với nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

Nhằm định hướng cho việc phát triển ngành cấp nước đô thị phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từ đó, lập kế hoạch đầu tư phù hợp để phát triển hệ thống cấp nước các đô thị một cách ổn định và bền vững trong từng giai đoạn.

1. Mục tiêu trước mắt:

- Mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng các dịch vụ cấp nước đô thị; đảm bảo đến năm 2000 có 80% dân số đô thị được cấp nước sạch với tiêu

chuẩn trung bình 80 - 100 lít/người/ngày. Các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu 100% dân số được cấp nước sạch với tiêu chuẩn 120 - 150 lít/người/ngày;

- Đảm bảo cấp nước cho nhu cầu công nghiệp và các nhu cầu văn hóa, xã hội trong các đô thị;

- Cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước quá cũ hoặc hiện nay chưa đảm bảo công suất thiết kế;

- Giảm tỷ lệ thất thoát nước và thất thu vào năm 2000 xuống 40% trong các khu đô thị hiện có và 30% trong các khu đô thị mới;

- Các công ty cấp nước được xác định là các doanh nghiệp công ích; từng bước xóa bỏ chế độ bao cấp; giá nước được tính đúng, tính đủ để trang trải chi phí đầu tư xây dựng và phát triển;

- Lập lại kỷ cương trong ngành cấp nước đô thị ở tất cả các khâu từ quy trình công nghệ, sản xuất, kinh doanh, tài chính, dịch vụ đến quản lý nhà nước; kiên quyết loại trừ các hiện tượng tiêu cực trong ngành nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao dân trí kết hợp xử phạt theo pháp luật; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống cấp nước đô thị.

2. Mục tiêu lâu dài:

- Điều tra, khảo sát, khai thác di dôi với bảo vệ tài nguyên nước Quốc gia: các nguồn nước mặt, nước dưới đất, sông ngòi, hồ chứa nước tự nhiên và nhân tạo tại các vùng khác nhau, chú ý tới các đô thị vùng ven biển, vùng khô hạn, vùng núi, cao nguyên và các vùng đặc trưng khác;

Nâng cao chất lượng phục vụ cấp nước cho sản xuất và dân sinh tại các đô thị, tạo điều kiện giúp đỡ các công ty cấp nước tự chủ về tài chính, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ công ích và chính sách xã hội;

- Đến năm 2020 phấn đấu đạt chỉ tiêu cấp nước như sau: 100% dân số đô thị được cấp nước sạch với tiêu chuẩn 120 - 150 lít/người/ngày; đối với các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu đạt tiêu chuẩn 180 - 200 lít/người/ngày;

- Đào tạo cán bộ và đổi mới công tác quản lý phù hợp với đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước; tăng cường năng lực các công ty tư vấn đủ mạnh để đảm đương được

công tác lập dự án, thiết kế các hệ thống cấp nước;

- Phát triển khoa học kỹ thuật, tăng cường ứng dụng công nghệ mới thông qua chuyển giao công nghệ, từng bước hiện đại hóa hệ thống cấp nước trong các đô thị;

- Đẩy mạnh đầu tư cho sản xuất thiết bị, vật tư, phụ tùng trong nước với chất lượng cao để thị trường trong nước và quốc tế chấp nhận;

- Áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm tiên tiến; đưa ngành cấp nước Việt Nam hội nhập với các nước trong khu vực, phù hợp với chính sách mở cửa và mở rộng hợp tác quốc tế của Đảng và Chính phủ.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Khai thác, sử dụng hợp lý, bảo vệ nguồn nước và vệ sinh môi trường:

Để đáp ứng yêu cầu cấp nước do tăng trưởng dân số đô thị và cấp nước cho sản xuất, cho các hoạt động văn hóa - xã hội trong các đô thị, cần có chương trình tiếp tục điều tra, khảo sát, đánh giá cụ thể tài nguyên nước trên cơ sở các tài liệu đã có; quy hoạch khai thác, sử dụng hợp lý nguồn nước; có chiến lược dự trữ nguồn nước.

Cần thực hiện các dự án bảo vệ chống ô nhiễm nguồn nước và những hậu quả do khai thác nước ngầm không có quy hoạch; kiểm soát chặt chẽ hiện tượng khai thác giếng cục bộ. Các dự án cấp nước phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Cải cách hệ thống tổ chức của ngành cấp nước từ Trung ương đến địa phương:

Trên cơ sở tổ chức hiện nay, cần sắp xếp lại những tổ chức chưa hợp lý, từ các cơ quan chỉ đạo, quản lý ngành ở Trung ương; nâng cao vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương trong việc điều hành công tác cấp nước trên từng địa bàn và đặc biệt là tăng cường năng lực cho các công ty cấp nước.

3. Đổi mới chính sách tài chính, tạo nguồn vốn cho công tác cấp nước đô thị:

- Thực hiện xã hội hóa ngành cấp nước đô thị, huy động sự đóng góp của mọi thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư; tranh thủ sự giúp đỡ, tài trợ của các Chính phủ và các tổ chức quốc tế;

- Ban hành giá nước mới, đảm bảo cho các công ty cấp nước tự chủ về tài chính và tiến tới trang trải cho chi phí thoát nước thải sinh hoạt trong đô thị.

4. Hiện đại hóa công nghệ và sản xuất thiết bị, vật tư:

Áp dụng công nghệ hiện đại cho hệ thống cấp nước trong các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, các đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất, các khu du lịch, trung tâm dịch vụ, thương mại.

Áp dụng công nghệ thích hợp phổ biến ở nhiều địa phương, gắn liền với thực trạng các công trình đã có nhằm cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước để đáp ứng yêu cầu cấp bách, tận dụng được trang thiết bị, vật tư trong nước, giảm giá thành đầu tư.

Công nghệ và thiết bị trong các hệ thống cấp nước cần đồng bộ, thống nhất để chủ động trong việc thay thế phụ tùng.

5. Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo cán bộ và công nhân:

Xây dựng chương trình đào tạo đồng bộ từ cán bộ lãnh đạo, quản lý, khoa học kỹ thuật, kinh tế, tài chính đến công nhân vận hành, bảo dưỡng cho ngành cấp nước; củng cố, tăng cường năng lực cho các trường, các cơ sở đào tạo chuyên gia ngành cấp nước. Mặt khác, có chính sách khuyến khích, động viên sự tham gia đóng góp của các chuyên gia người Việt Nam đang sống và làm việc tại nước ngoài.

Phấn đấu đến năm 2005 đáp ứng đủ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo cho tất cả các cấp từ Trung ương đến địa phương.

Điều 2.- Giao Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Công nghiệp, Y tế và các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện Định hướng phát triển cấp nước đô thị, cụ thể hóa các nội dung trong Định hướng, lập kế hoạch trước mắt và lâu dài, đảm bảo thực hiện có hiệu quả chương trình đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cấp nước các đô thị trong cả nước.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch

Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGÔ XUÂN LỘC

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 64/1998/QĐ-TTg ngày 21-3-1998 về việc giảm tiền mua nhà ở cho một số đối tượng khi mua nhà ở đang thuê thuộc sở hữu Nhà nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994 và Nghị định số 21-CP ngày 16-4-1996 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và đất ở; Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Quốc phòng; Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chính và Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Những đối tượng sau đây khi mua nhà ở đang thuê thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994 và Nghị định số 21-CP ngày 16-4-1996 của Chính phủ thì được giảm tiền mua nhà ở theo quy định của Quyết định này:

1. Cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp, Đảng và đoàn thể hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
2. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lực lượng vũ trang;
3. Hạ sĩ quan, chiến sĩ hưởng sinh hoạt phí có thời gian hoạt động ở các chiến trường A, B, C, K;